

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015)
Ông Bùi Hữu Dương	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015)
Ông Bùi Hữu Dương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015)
Ông Đặng Đình Bình	Thành viên
Ông Bùi Tường Định	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Đức Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2016)
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đức Minh

Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

Số: 307 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được đề cập tại Thuyết minh số 5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng phù hợp. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 14 tháng 03 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Thị Thu Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		573.150.510.144	917.695.017.135
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	92.946.075.110	180.535.116.618
1. Tiền	111		14.946.075.110	104.535.116.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.000.000.000	76.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		380.551.875.362	443.447.900.749
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	378.336.094.546	438.114.455.461
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		713.546.533	1.884.842.840
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.502.234.283	3.448.602.448
III. Hàng tồn kho	140	9	90.257.869.706	290.214.859.832
1. Hàng tồn kho	141		97.588.392.245	292.925.009.130
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.330.522.539)	(2.710.149.298)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.394.689.966	3.497.139.936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	4.853.155.180	3.188.680.884
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	308.459.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	4.541.534.786	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126.478.842.163	202.458.734.493
I. Tài sản cố định	220		118.376.587.106	193.896.866.799
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	117.430.830.328	193.896.866.799
- Nguyên giá	222		592.627.545.331	585.134.610.532
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(475.196.715.003)	(391.237.743.733)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	945.756.778	-
- Nguyên giá	228		1.484.697.400	268.724.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(538.940.622)	(268.724.400)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.943.775.206	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.943.775.206	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.158.479.851	8.561.867.694
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.158.479.851	6.586.136.033
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	-	1.975.731.661
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		699.629.352.307	1.120.153.751.628

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

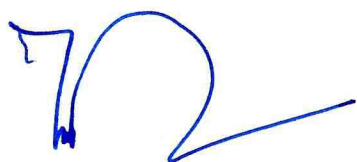
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		181.629.187.291	674.123.977.166
I. Nợ ngắn hạn	310		127.343.605.774	585.963.307.771
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.948.284.472	89.149.137.535
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	287.096.405.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.606.385.900	12.028.513.288
4. Phải trả người lao động	314		10.663.301.127	7.911.316.442
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	7.073.902.408	19.049.118.310
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.717.846.414	19.138.121.568
7. Vay ngắn hạn	320	18	24.868.173.211	100.601.665.997
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	53.164.513.837	41.382.461.863
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.301.198.405	9.606.567.484
II. Nợ dài hạn	330		54.285.581.517	88.160.669.395
1. Vay dài hạn	338	20	5.626.700.000	29.750.918.375
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	48.658.881.517	58.409.751.020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		518.000.165.016	446.029.774.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	518.000.165.016	446.029.774.462
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.999.980.000	215.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.999.980.000	215.999.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.850.000.000	9.850.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.133.456.498	16.881.930.064
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	250.016.728.518	203.297.864.398
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		155.275.622.783	26.404.710.873
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		94.741.105.735	176.893.153.525
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		699.629.352.307	1.120.153.751.628


Cao Nhất Trung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Nhung
Kế toán trưởngTrần Đức Minh
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

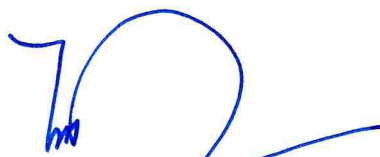
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		967.652.322.344	1.005.076.527.742
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	967.652.322.344	1.005.076.527.742
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	786.479.355.511	729.706.323.562
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		181.172.966.833	275.370.204.180
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.258.428.077	4.794.806.489
6. Chi phí tài chính	22	28	10.004.812.957	12.486.823.628
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.841.075.412	10.765.808.397
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		48.522.295.318	32.198.023.643
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		124.904.286.635	235.480.163.398
9. Thu nhập khác	31		42.863.422.147	17.714.343.412
10. Chi phí khác	32		3.800.988.960	1.310.928
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		39.062.433.187	17.713.032.484
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		163.966.719.822	253.193.195.882
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	35.733.355.992	58.628.932.171
14. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	1.975.731.661	(1.975.731.661)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		126.257.632.169	196.539.995.372
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.290	8.327



Cao Nhất Trung
 Người lập biểu





Nguyễn Thị Hà Nhung
 Kế toán trưởng

Trần Đức Minh
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

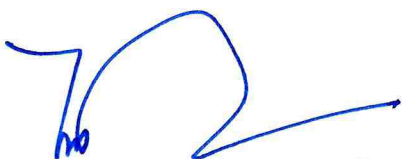
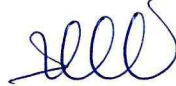
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	163.966.719.822		253.193.195.882	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao tài sản cố định	02	84.229.187.492		159.401.695.746	
- Các khoản dự phòng	03	4.620.373.241		177.325.941	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.643.080.031		129.996.991	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.236.165.548)		(4.575.927.320)	
- Chi phí lãi vay	06	5.841.075.412		10.765.808.397	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	258.064.270.450		419.092.095.637	
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	58.802.569.097		(280.425.693.676)	
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	195.336.616.885		(173.328.994.619)	
- Giảm/(tăng) các khoản phải trả	11	(375.271.783.965)		315.340.445.094	
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	2.763.181.886		(765.536.966)	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.433.409.448)		(11.121.254.692)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(50.309.837.277)		(44.526.325.802)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.357.614.694)		(9.571.635.864)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.593.992.934		214.693.099.112	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.648.252.541)		(14.847.316.027)	
2. Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	24	-		300.000.000	
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.096.546.104		4.481.080.097	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.551.706.437)		(10.066.235.930)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ đi vay	33	68.680.748.303		19.282.712.944	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(169.922.076.489)		(80.950.925.073)	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(43.097.396.000)		(43.191.788.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(144.338.724.186)		(104.860.000.129)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(87.296.437.689)		99.766.863.053	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	180.535.116.618		80.768.253.565	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(292.603.819)		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	92.946.075.110		180.535.116.618	


Cao Nhất Trung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Nhung
Kế toán trưởngTrần Đức Minh
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600393680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0600393680 thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 4 năm 2013, Công ty chính thức thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (tên viết tắt là "PVID") thành Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (tên viết tắt là "PV COATING"). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVB vào ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 251 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 230 người).

Hoạt động chính

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia tải đường ống;
- Đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hợp công nghiệp đô thị và dịch vụ;
- Đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, máy thiết bị thi công;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí;
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật chất lượng các loại vật liệu, sản phẩm bọc ống chống ăn mòn, bọc cách nhiệt, bê tông gia trọng và bồn bể chứa;
- Thi công các công trình xây dựng; và
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, như trình bày tại Thuyết minh số 5, một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	5 - 12
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	8 - 9
Thiết bị quản lý	3 - 5
Tài sản khác	3

Tài sản cố định hữu hình là máy móc và thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bong ống được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị website của Công ty và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Website của Công ty và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thiết bị văn phòng, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 đến 36 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Trong năm 2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 căn cứ theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản kiểm toán ngày 24 tháng 8 năm 2015. Ngoài ra, một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước (bao gồm số liệu sau khi điều chỉnh hồi tố) đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 3. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố và phân loại lại như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Bảng cân đối kế toán	Mã số theo Quyết định 15/2006/QĐ/BTC (1)	Số đã báo cáo (2) VND	Điều chỉnh hồi tố theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước (3) VND	Phân loại lại theo Thông tư 200 (4) VND	Số sau hồi tố và trình bày lại (5)= (3)+(3)+(4) VND	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC (7)
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	859.098.760.111	58.284.257.024	312.000.000	917.695.017.135	
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	407.347.531.877	33.067.770.889	3.032.597.983	443.447.900.749	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	152.371.014.538	3.982.495.214	281.760.945.709	438.114.455.461	131
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	281.963.129.240	213.820.934	(278.728.347.726)	3.448.602.448	136
3. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(28.871.454.741)	28.871.454.741	-	-	137
II. Hàng tồn kho	140	264.998.373.697	25.216.486.135	-	290.214.859.832	
1. Hàng tồn kho	141	267.708.522.995	25.216.486.135	-	292.925.009.130	141
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	6.217.737.919	-	(2.720.597.983)	3.497.139.936	
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.720.597.983	-	(2.720.597.983)	-	155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	209.122.454.536	(6.351.720.043)	(312.000.000)	202.458.734.493	
III. Tài sản dài hạn khác		15.225.587.737	(6.351.720.043)	(312.000.000)	8.561.867.694	
1. Tài sản dài hạn khác	268	312.000.000	-	(312.000.000)	-	268
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8.327.451.704	(6.351.720.043)	-	1.975.731.661	262

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trưng Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số theo Quyết định 15/2006/QĐ/BTC	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau hồi tố và trình bày lại	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (3)+(4)+(5)	(7)
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ		671.209.686.327	2.914.290.839	-	674.123.977.166	
Nợ ngắn hạn	310	534.590.468.293	9.990.377.615	41.382.461.863	180.171.367.738	
1. Phải trả ngắn hạn khác	319	11.004.629.805	8.133.491.763	-	19.138.121.568	319
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17.192.232.458	1.856.885.852	-	19.049.118.310	315
4. Vay ngắn hạn	311	100.601.665.997	-	-	100.601.665.997	320
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	41.382.461.863	41.382.461.863	321
Nợ dài hạn	330	136.619.218.034	(7.076.086.776)	(41.382.461.863)	88.160.669.395	
1. Vay dài hạn	334	29.750.918.375	-	-	29.750.918.375	338
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	106.868.299.659	(7.076.086.776)	(41.382.461.863)	58.409.751.020	342
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	397.011.528.320	49.018.246.142	-	446.029.774.462	
Vốn chủ sở hữu	410	397.011.528.320	49.018.246.142	-	446.029.774.462	
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	749.682.804	-	16.132.247.260	16.881.930.064	418
2. Quỹ dự phòng tài chính (*)	418	16.132.247.260	-	(16.132.247.260)	-	Không có chi tiêu tương ứng
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	154.279.618.256	49.018.246.142	-	203.297.864.398	421

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Chỉ tiêu	Mã số theo Quyết định 15/2006/QĐ/BTC	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau hồi tố và trình bày lại	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)	(7)
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.001.456.077.548	3.620.450.194	-	1.005.076.527.742	01
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	742.406.643.803	(30.352.000.375)	17.651.680.134	729.706.323.562	11
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	259.049.433.745	33.972.450.569	(17.651.680.134)	275.370.204.180	20
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	61.069.478.384	(28.871.454.741)	-	32.198.023.643	26
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	190.287.938.222	62.843.905.310	(17.651.680.134)	235.480.163.398	30
6. Thu nhập khác	31	62.663.278	-	17.651.680.134	17.714.343.412	31
7. Lợi nhuận khác	40	61.352.350	-	17.651.680.134	17.713.032.484	40
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	190.349.290.572	62.843.905.310	-	253.193.195.882	50
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	51.154.993.046	7.473.939.125	-	58.628.932.171	51
10. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	(8.327.451.704)	6.351.720.043	-	(1.975.731.661)	52
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	147.521.749.230	49.018.246.142	-	196.539.995.372	60
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.830	1.497	-	8.327	70
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ						
1. Lợi nhuận trước thuế	01	190.349.290.572	62.843.905.310	-	253.193.195.882	01
2. Các khoản dự phòng	03	29.048.780.682	(28.871.454.741)	-	177.325.941	03
3. Tăng các khoản phải thu	09	(276.229.377.528)	(4.196.316.148)	-	(280.425.693.676)	09
4. Tăng hàng tồn kho	10	(148.112.508.484)	(25.216.486.135)	-	(173.328.994.619)	10
5. Giảm các khoản phải trả	11	319.900.093.380	(4.559.648.286)	-	315.340.445.094	11



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	191.865.951	177.530.208
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.754.209.159	104.357.586.410
Các khoản tương đương tiền	78.000.000.000	76.000.000.000
	<u>92.946.075.110</u>	<u>180.535.116.618</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 4%/năm đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 4,5%/năm đến 5,2%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu ngắn hạn của khách hàng thể hiện các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh số 33)	676.778.239	716.210.498
Ký cược, ký quỹ	472.015.666	2.339.612.261
Phải thu khác	353.440.378	392.779.689
	<u>1.502.234.283</u>	<u>3.448.602.448</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014 (Trình bày lại)</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng đang đi đường	-	-	22.487.855.058	-
Nguyên liệu, vật liệu	93.281.077.645	(7.330.522.539)	71.531.174.649	(2.710.149.298)
Công cụ, dụng cụ	4.307.314.600	-	4.963.426.647	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	193.942.552.776	-
	<u>97.588.392.245</u>	<u>(7.330.522.539)</u>	<u>292.925.009.130</u>	<u>(2.710.149.298)</u>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.620.373.241 đồng (năm 2014: 177.325.941 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phân bổ phụ tùng	4.093.007.468	2.134.965.861
- Chi phí bảo hiểm tài sản	189.339.708	118.514.091
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	570.808.004	935.200.932
	<u>4.853.155.180</u>	<u>3.188.680.884</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí phân bổ phụ tùng, vật tư	193.414.713	2.095.517.113
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	261.884.187	2.589.901.432
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	646.401.135	1.225.978.107
- Chi phí khác	1.056.779.816	674.739.381
	<u>2.158.479.851</u>	<u>6.586.136.033</u>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	107.409.029.058	390.918.457.847	84.704.418.922	1.635.048.005	467.656.700	585.134.610.532
Mua sắm mới	-	6.375.198.799	-	1.117.736.000	-	7.492.934.799
Tại ngày 31/12/2015	<u>107.409.029.058</u>	<u>397.293.656.646</u>	<u>84.704.418.922</u>	<u>2.752.784.005</u>	<u>467.656.700</u>	<u>592.627.545.331</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	42.153.973.878	318.221.021.432	29.781.762.125	853.119.452	227.866.846	391.237.743.733
Khấu hao trong năm	10.669.559.908	62.403.123.015	10.158.727.721	632.358.951	95.201.675	83.958.971.270
Tại ngày 31/12/2015	<u>52.823.533.786</u>	<u>380.624.144.447</u>	<u>39.940.489.846</u>	<u>1.485.478.403</u>	<u>323.068.521</u>	<u>475.196.715.003</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	<u>54.585.495.272</u>	<u>16.669.512.199</u>	<u>44.763.929.076</u>	<u>1.267.305.602</u>	<u>144.588.179</u>	<u>117.430.830.328</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>65.255.055.180</u>	<u>72.697.436.415</u>	<u>54.922.656.797</u>	<u>781.928.553</u>	<u>239.789.854</u>	<u>193.896.866.799</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án nhà máy bọc ống tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và một số tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ nguồn vốn vay với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 488.747.861.266 đồng và 101.260.168.218 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 488.747.861.266 đồng và 179.075.448.121 đồng) để làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 347.395.770.265 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 64.056.633.846 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Website Công ty VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	235.050.000	33.674.400	268.724.400
Tăng trong năm	-	1.215.973.000	1.215.973.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>235.050.000</u>	<u>1.249.647.400</u>	<u>1.484.697.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	235.050.000	33.674.400	268.724.400
Khấu hao trong năm	-	270.216.222	270.216.222
Tại ngày 31/12/2015	<u>235.050.000</u>	<u>303.890.622</u>	<u>538.940.622</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>945.756.778</u>	<u>945.756.778</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 268.274.400 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 268.274.400 đồng).

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm và các năm trước.

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.975.731.661
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>-</u>	<u>1.975.731.661</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tang Lung Limited	-	-	38.217.143.100	38.217.143.100
O & G Engineering Company Limited	-	-	9.906.262.864	9.906.262.864
Yukon Capital Limited	-	-	7.391.867.750	7.391.867.750
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Khang Phong	2.987.746.196	2.987.746.196	7.371.534.500	7.371.534.500
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trung Việt	526.350.000	526.350.000	5.317.523.460	5.317.523.460
Công ty TNHH Nghĩa Thành	-	-	5.299.830.450	5.299.830.450
DIMET WASSER (M) SDN BHD	-	-	2.703.657.210	2.703.657.210
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Trường	-	-	2.592.500.000	2.592.500.000
Industrious Horizon SDN BHD	2.354.556.000	2.354.556.000	2.213.246.400	2.213.246.400
PQT Energy Snd Bhd	-	-	2.043.596.610	2.043.596.610
Công ty TNHH Công nghiệp tổng hợp Việt Nam	4.404.873.510	4.404.873.510	-	-
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	-	-	288.697.214	288.697.214
Phải trả người bán khác	4.674.758.766	4.674.758.766	5.803.277.977	5.803.277.977
	<u>14.948.284.472</u>	<u>14.948.284.472</u>	<u>89.149.137.535</u>	<u>89.149.137.535</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ khấu trừ	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.382.035.830	67.517.469.685	66.898.492.025	2.001.013.490
Thuế nhập khẩu	-	565.133.364	565.133.364	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.034.946.499	35.733.355.992	50.309.837.277	(4.541.534.786)
Thuế thu nhập cá nhân	588.323.629	5.222.698.854	5.355.287.450	455.735.033
Thuế nhà thầu	23.207.330	4.620.811.616	4.494.381.569	149.637.377
	<u>12.028.513.288</u>	<u>113.659.469.511</u>	<u>127.623.131.685</u>	<u>(1.935.148.886)</u>

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	4.541.534.786
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>2.606.385.900</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí cho dự án	5.445.720.409	9.843.103.579
Vận chuyển ồng các dự án	-	6.099.636.822
Các khoản chi phí trích trước khác	1.628.181.999	3.106.377.909
	<u>7.073.902.408</u>	<u>19.049.118.310</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu chưa thực hiện	-	8.980.598.460
Cổ tức phải trả	548.964.000	446.364.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	584.807.680	416.591.024
Các khoản thuế phải trả, phải nộp khác (*)	8.133.491.763	8.133.491.763
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.450.582.971	1.161.076.321
	<u>10.717.846.414</u>	<u>19.138.121.568</u>

(*) Thể hiện các khoản thuế phải trả, phải nộp khác đối với ngân sách Nhà nước do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5. Số tiền này sẽ được Công ty nộp ngay vào ngân sách Nhà nước sau khi có kết luận chính thức từ Kiểm toán Nhà nước liên quan đến số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

18. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	-	19.082.783.944
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	24.868.173.211	81.518.882.053
	<u>24.868.173.211</u>	<u>100.601.665.997</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay ngắn hạn đến hạn trả cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ được trình bày tại Thuyết minh số 20.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	53.164.513.837	41.382.461.863
- Dự phòng bảo hành công trình	44.545.513.837	41.382.461.863
- Dự phòng quỹ lương	8.619.000.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	48.658.881.517	58.409.751.020
	<u>101.823.395.354</u>	<u>99.792.212.883</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản dự phòng phải trả trong năm 2015 như sau:

	Dự phòng bảo hành công trình (i) VND	Dự phòng quỹ lương (ii) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	99.792.212.883	-	99.792.212.883
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	34.794.644.334	8.619.000.000	43.413.644.334
Hoàn nhập dự phòng	<u>(41.382.461.863)</u>	<u>-</u>	<u>(41.382.461.863)</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>93.204.395.354</u>	<u>8.619.000.000</u>	<u>101.823.395.354</u>

- (i) Dự phòng bảo hành công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do Công ty thực hiện hoàn thành và đã quyết toán với chủ đầu tư dự án với thời hạn bảo hành từ 12 tháng đến 36 tháng. Tỷ lệ trích lập dự phòng từ 3% đến 5% giá trị của dự án thực hiện.
- (ii) Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, Công ty đã trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn với tỷ lệ trích là 17% quỹ tiền lương thực hiện, tương đương với số tiền 8.619.000.000 đồng.

20. VAY DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	18.640.173.211	89.481.100.428
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.200.000.000	12.275.000.000
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	7.654.700.000	9.513.700.000
	<u>30.494.873.211</u>	<u>111.269.800.428</u>
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	<u>(24.868.173.211)</u>	<u>(81.518.882.053)</u>
	<u>5.626.700.000</u>	<u>29.750.918.375</u>

Công ty vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) - Chi nhánh Vũng Tàu, nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam với hạn mức vay là 69.164.982.000 đồng và 15.383.000 Đô la Mỹ để thực hiện Dự án Nhà máy bọc ống tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần với thời hạn tối đa 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng Đồng Việt Nam. Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị đầu tư dự án này và tài sản cố định khác của Công ty làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay Công ty đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay nói trên.

Công ty vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ ("BIDV Phú Mỹ") với hạn mức vay lần lượt là 24.649.505.000 đồng và 21.700.00.000 đồng. Các khoản vay sẽ được thanh toán ba tháng một lần với thời hạn tối đa 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay chịu lãi suất lần lượt là 14.5%/năm và 17.5%/năm và được thay đổi ba tháng một lần theo quy định của BIDV Phú Mỹ tại thời điểm thay đổi. Công ty đã thế chấp cầm cố tài sản cố định theo hợp đồng cầm cố tài sản số 02/2011/2930448/HĐ được ký ngày 09 tháng 11 năm 2011 với BIDV Phú Mỹ để đảm bảo cho hợp đồng vay này và Công ty đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu. Khế ước vay là 9.513.700.000 đồng, khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần với thời hạn tối đa 60 tháng và lãi suất 6.5%/năm trả hàng tháng. Công ty đã thế chấp cầm cố tài sản cố định theo hợp đồng cầm cố tài sản số 221-14/HĐHMTD-LV ngày 17 tháng 10 năm 2014. Công ty đã giải ngân toàn bộ số tiền vay nói trên tại ngày 23 tháng 10 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	24.868.173.211	81.518.882.053
Trong năm thứ hai	2.028.000.000	24.124.218.375
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>3.598.700.000</u>	<u>5.626.700.000</u>
	30.494.873.211	111.269.800.428
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	<u>(24.868.173.211)</u>	<u>(81.518.882.053)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.626.700.000</u>	<u>29.750.918.375</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	215.999.980.000	9.850.000.000	78.159.706.874	5.946.159.798	749.682.804	310.705.529.476
Lợi nhuận trong năm	-	-	196.539.995.372	-	-	196.539.995.372
Chia cổ tức	-	-	(43.199.996.000)	-	-	(43.199.996.000)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(28.046.841.848)	10.186.087.462	-	(17.860.754.386)
Giảm khác	-	-	(155.000.000)	-	-	(155.000.000)
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	(16.132.247.260)	16.132.247.260	-
Tại ngày 31/12/2014 (Trình bày lại)	215.999.980.000	9.850.000.000	203.297.864.398	-	16.881.930.064	446.029.774.462
Lợi nhuận trong năm	-	-	126.257.632.169	-	-	126.257.632.169
Chia cổ tức	-	-	(43.199.996.000)	-	-	(43.199.996.000)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(36.418.772.049)	-	25.251.526.434	(11.167.245.615)
Hoàn nhập quỹ	-	-	80.000.000	-	-	80.000.000
Tại ngày 31/12/2015	215.999.980.000	9.850.000.000	250.016.728.518	-	42.133.456.498	518.000.165.016

Theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 16.673.000.000 đồng (đã tạm trích trong năm 2014 là 11.770.754.385 đồng).
- Thương Ban điều hành Công ty là 300.000.000 đồng (đã tạm trích trong năm 2014 là 300.000.000 đồng).
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát là 120.000.000 đồng (đã tạm trích trong năm 2014 là 200.000.000 đồng).
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 43.199.996.000 đồng.

Cũng theo Nghị quyết trên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt kế hoạch phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc tạm trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 5.850.000.000 đồng và 25.251.526.434 đồng. Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích quỹ khen thưởng ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt là 300.000.000 đồng và 115.000.000 đồng. Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn góp của chủ sở hữu của Công ty là 215.999.980.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp			
	đăng ký kinh doanh		31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam	114.340.000.000	52,94	114.340.000.000	52,94	165.240.000.000	76,5
Các cổ đông khác	101.659.980.000	47,06	101.659.980.000	47,06	50.759.980.000	23,5
	215.999.980.000	100	215.999.980.000	100	215.999.980.000	100

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
- Ống thép (m)	-	57.216
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	11.430	1.109.524
- Euro (EUR)	472	483

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bọc ống cho các Dự án đã ký kết với các khách hàng tại Việt Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng dưới 10% trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	-	2.566.910.558
Hoạt động bọc ống	964.774.390.414	1.002.509.617.184
Hoạt động khác	2.877.931.930	-
	<u><u>967.652.322.344</u></u>	<u><u>1.005.076.527.742</u></u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	-	(2.941.309.715)
Hoạt động bọc ống	784.005.022.204	732.647.633.277
Hoạt động khác	2.474.333.307	-
	<u><u>786.479.355.511</u></u>	<u><u>729.706.323.562</u></u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	219.283.458.603	395.231.888.687
Chi phí nhân công	93.992.820.022	67.454.733.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.229.187.492	159.401.695.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.224.979.961	204.174.865.455
Chi phí khác	142.357.307.754	119.416.137.932
	<u><u>653.087.753.832</u></u>	<u><u>945.679.321.072</u></u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.236.165.548	4.575.927.320
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.262.529	218.879.169
	<u><u>2.258.428.077</u></u>	<u><u>4.794.806.489</u></u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	5.841.075.412	10.765.808.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.163.737.545	1.721.015.231
	<u><u>10.004.812.957</u></u>	<u><u>12.486.823.628</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	34.978.542.669	58.604.874.755
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	<u>754.813.323</u>	<u>24.057.416</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>35.733.355.992</u>	<u>58.628.932.171</u>
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	<u>1.975.731.661</u>	<u>(1.975.731.661)</u>
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>1.975.731.661</u>	<u>(1.975.731.661)</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	163.966.719.822	253.193.195.882
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	4.007.254.407	4.212.000.000
Trừ: chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>(8.980.598.460)</u>	<u>8.980.598.460</u>
Lợi nhuận tính thuế	158.993.375.769	266.385.794.342
Thuế suất áp dụng	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>34.978.542.669</u>	<u>58.604.874.755</u>
Điều chỉnh cho năm trước	<u>754.813.323</u>	<u>24.057.416</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>35.733.355.992</u>	<u>58.628.932.171</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế (năm 2014: 22%).

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	126.257.632.169	196.539.995.372
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.000.000.000	16.673.000.000
- Số đã trích trong năm	6.150.000.000	16.673.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi còn sẽ trích	<u>5.850.000.000</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	114.257.632.169	179.866.995.372
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>21.599.998</u>	<u>21.599.998</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.290</u>	<u>8.327</u>

Chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được tính toán lại và trình bày căn cứ trên số Quỹ khen thưởng phúc lợi được duyệt theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2015.

Chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tính toán lại và trình bày căn cứ trên số Quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch của năm 2015 được duyệt theo Biên bản số 03/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 24 tháng 4 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>16.216.774.997</u>	<u>5.796.209.091</u>

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	8.747.175.000	7.634.848.692
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	13.828.376.250	8.979.600.000
Sau năm năm	<u>32.162.130.000</u>	<u>32.640.230.959</u>
	<u>54.737.681.250</u>	<u>49.254.679.651</u>

Khoản thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 70.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá 1,5 USD/m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 48 năm, kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2009.
- Tổng số tiền thuê 30.000 m² sân bãi tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá thuê là 93.870.000 đồng/tháng nhằm phục vụ cho công tác bốc ồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2012.
- Tổng số tiền thuê 1.100 m² đất và tài sản tại số 68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá thuê là 1.800.000.000 đồng/năm nhằm làm trụ sở văn phòng Công ty. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.946.075.110	180.535.116.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.161.550.590	440.846.847.411
	<u>472.107.625.700</u>	<u>621.381.964.029</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	30.494.873.211	130.352.584.372
Phải trả người bán và phải trả khác	25.081.323.206	107.870.668.079
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.073.902.408	19.049.118.310
Dự phòng phải trả	101.823.395.354	99.792.212.883
	<u>164.473.494.179</u>	<u>357.064.583.644</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Tài sản</u>		<u>Công nợ</u>	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	256.611.584	23.721.622.265	21.163.724.779	168.300.529.447
Euro (EUR)	11.548.595	10.318.202	-	101.021.458
	<u>268.160.180</u>	<u>34.040.140.472</u>	<u>21.163.724.779</u>	<u>269.321.980.905</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	(209.071.132)	(1.445.789.072)
Euro (EUR)	<u>115.486</u>	<u>(907.033)</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 304.948.732 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.303.525.844 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản phải thu của các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

 68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1- 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.946.075.110	-	92.946.075.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.161.550.590	-	379.161.550.590
	472.107.625.700	-	472.107.625.700
Các khoản vay	24.868.173.211	5.626.700.000	30.494.873.211
Phải trả người bán và phải trả khác	25.081.323.206	-	25.081.323.206
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.073.902.408	-	7.073.902.408
Dự phòng phải trả	53.164.513.837	48.658.881.517	101.823.395.354
	110.187.912.662	54.285.581.517	164.473.494.179
Chênh lệch thanh khoản thuần	361.919.713.038	(54.285.581.517)	307.634.131.521
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.535.116.618	-	180.535.116.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	440.846.847.411	-	440.846.847.411
	621.381.964.029	-	621.381.964.029
Các khoản vay	100.601.665.997	29.750.918.375	130.352.584.372
Phải trả người bán và phải trả khác	107.870.668.079	-	107.870.668.079
Chi phí phải trả ngắn hạn	19.049.118.310	-	19.049.118.310
Dự phòng phải trả	41.382.461.863	58.409.751.020	99.792.212.883
	268.903.914.249	88.160.669.395	357.064.583.644
Chênh lệch thanh khoản thuần	352.478.049.780	(88.160.669.395)	264.317.380.385

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Bên liên quan

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS)
 PV Gas - Công ty Dịch vụ Khí
 Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
 PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ
 Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền bắc
 PV Gas - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí
 Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP
 Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Đông
 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
 Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro
 Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển
 Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
 Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
 Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
 Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life
 Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam
 Công ty Bảo hiểm PVI Đông Nam Bộ
 Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu
 Công ty Bảo hiểm PVI Gia Định
 Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Quảng Ngãi
 Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu
 khí Biển PTSC
 Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ
 Công ty CP Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí miền Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tổng Công ty PV GAS
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN
 Cùng Tập đoàn PVN



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	228.578.047.782	480.798.956.528
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	48.763.147.228	141.599.997.913
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	2.566.910.558
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	61.082.177.465	34.369.600.223
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	1.875.133.590	-
PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	613.592.066.333	336.635.976.499
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	8.810.171.826	4.635.046.134
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Quảng Ngãi	1.316.792.800	-
Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	<u>662.727.273</u>
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Đông	1.082.021.131	2.354.163.781
PV Gas - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	-	5.811.396.284
PV Gas - Công ty Dịch vụ khí	-	741.707.725
Công ty CP Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	121.000.000	702.000.000
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	1.903.492.906	782.477.049
Công ty Bảo hiểm PVI Đông Nam Bộ	2.517.333.285	1.273.005.456
TCT Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	9.540.102.000	9.610.801.200
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	896.984.467	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	14.796.000.000	7.200.000.000
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	286.656.289	-
Công ty Bảo hiểm PVI Gia Định	294.493.915	-
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả tiền vay trong năm		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>72.777.991.095</u>	<u>71.026.568.206</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và phụ cấp	<u>4.223.669.173</u>	<u>4.866.430.669</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**


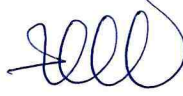
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	55.370.884.530	57.581.468.467
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng	43.006.236.906	47.685.000.000
Công trình Dầu khí Biển PTSC		
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	500.359.287	1.655.907.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	-	22.142.338.688
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	44.502.160.321
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	6.535.518.485	4.482.534.249
PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	271.583.871.738	260.065.046.736
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Quảng Ngãi	1.339.223.600	-
	<u>378.336.094.546</u>	<u>438.114.455.461</u>
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Cán bộ Công nhân viên trong Công ty PV Coating	676.778.239	716.210.498
Phải trả		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Đông	-	165.139.147
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	-	123.558.067
	<u>-</u>	<u>288.697.214</u>
Các khoản ứng trước		
PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	-	287.096.405.284
Phải trả khác		
Cổ tức	548.964.000	446.364.000
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	18.640.173.211	89.481.100.428

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.004.430.464 đồng (năm 2014: 0 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.


Cao Nhất Trung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Nhung
Kế toán trưởngTrần Đức Minh
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

